

**BẢN XÁC NHẬN**

**Hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Tân Minh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN MINH**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ khoa học và công nghệ V/v công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Chủ tịch UBND xã Tân Minh về việc Ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2025;*

*Xét đề nghị của Thư ký Ban chỉ đạo ISO.*

**XÁC NHẬN:**

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng có hiệu lực tại UBND xã Tân Minh đối với hoạt động quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VHXX.

**CHỦ TỊCH**

**Đinh Văn Nhanh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ TÂN MINH**  
**ĐƯỢC XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Bản xác nhận số .../BXN-UBND ngày ... tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Tân Minh*

| STT                       | Mã quy trình | Tên quy trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TÀI LIỆU CHUNG</b>     |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                         | CSCL         | Chính sách chất lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2                         | MTCL         | Mục tiêu chất lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3                         | MHHT         | Mô hình hệ thống quản lý chất lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4                         | HD.01        | Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5                         | HD.02        | Hướng dẫn kiểm soát rủi ro                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6                         | HD.03        | Hướng dẫn đánh giá nội bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 7                         | HD.04        | Hướng dẫn kiểm sự không phù hợp, hành động khắc phục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8                         | HD.05        | Hướng dẫn xem xét lãnh đạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 9                         | QT.MC.01     | Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>   |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>ĐƯỜNG BỘ</b>           |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                         | QT.ĐB.01     | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2                         | QT.ĐB.02     | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3.                        | QT.ĐB.03     | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ |
| 4.                        | QT.ĐB.04     | Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b> |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5.                        | QT.XD.05     | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ                                                                                                                              |

|                                      |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.                                   | QT.XD.06 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:    |
| 7.                                   | QT.XD.07 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 8.                                   | QT.XD.08 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ            |
| 9.                                   | QT.XD.09 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ                   |
| 10.                                  | QT.XD.10 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| <b>QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 11.                                  | QT.XD.11 | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.                                  | QT.XD.12 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã                                                                                                                                                       |
| 13.                                  | QT.XD.13 | Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã                                                                                                                                         |
| <b>LĨNH VỰC BẢO HIỂM</b>             |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.                                  | QT.BH.14 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                             |

|     |                                                                     |                                                                                                                                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b> |                                                                                                                                        |
| 15. | QT.BT.15                                                            | Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                |
|     | <b>QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b> |                                                                                                                                        |
| 16. | QT.QLT.16                                                           | Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải                                                                               |
| 17. | QT.QLT.17                                                           | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                                     |
|     | <b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC</b>               |                                                                                                                                        |
| 18. | QT.THT.18                                                           | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác                                                                                            |
| 19. | QT.THT.19                                                           | Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác                                                                                                |
| 20. | QT.THT.20                                                           | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 21. | QT.THT.21                                                           | Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                             |
| 22. | QT.THT.22                                                           | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                        |
| 23. | QT.THT.23                                                           | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài                                                                               |
| 24. | QT.THT.24                                                           | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác                                                                                              |
| 25. | QT.THT.25                                                           | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                        |
| 26. | QT.THT.26                                                           | Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                       |
| 27. | QT.THT.27                                                           | Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác                                                                                                          |
| 28. | QT.THT.28                                                           | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác                                                         |
| 29. | QT.THT.29                                                           | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác                                                                              |
| 30. | QT.THT.30                                                           | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác                                                                                           |
| 31. | QT.THT.31                                                           | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy                                                 |

|     |           |                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32. | QT.THT.32 | Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023  |
| 33. | QT.THT.33 | Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp                            |
| 34. | QT.THT.34 | Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo |
| 35. | QT.THT.35 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                    |
| 36. | QT.THT.36 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                                                   |
| 37. | QT.THT.37 | Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất                                                      |
| 38. | QT.THT.38 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh                                                                                                                                             |
| 39. | QT.THT.39 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập                                                   |
| 40. | QT.THT.40 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                              |
| 41. | QT.THT.41 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                 |
| 42. | QT.THT.42 | Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                                          |
| 43. | QT.THT.43 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập                                                  |

|                                            |           |                                                                                         |
|--------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 44.                                        | QT.THT.44 | Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã           |
| 45.                                        | QT.THT.45 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                        |
| <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP</b> |           |                                                                                         |
| 46.                                        | QT.DN.46  | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                         |
| 47.                                        | QT.DN.47  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                         |
| 48.                                        | QT.DN.48  | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh |
| 49.                                        | QT.DN.49  | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                        |
| 50.                                        | QT.DN.50  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                           |
| <b>CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG</b>              |           |                                                                                         |
| 51.                                        | QT.CN.51  | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã                     |
| <b>KINH DOANH KHÍ</b>                      |           |                                                                                         |
| 52.                                        | QT.KH.52  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                               |
| 53.                                        | QT.KH.53  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                           |
| 54.                                        | QT.KH.54  | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                    |
| <b>LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC</b>       |           |                                                                                         |
| 55.                                        | QT.HH.55  | Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                       |
| 56.                                        | QT.HH.56  | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                           |
| 57.                                        | QT.HH.57  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh          |
| 58.                                        | QT.HH.58  | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                       |
| 59.                                        | QT.HH.59  | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                               |
| 60.                                        | QT.HH.60  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                              |
| 61.                                        | QT.HH.61  | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                  |
| 62.                                        | QT.HH. 62 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                 |
| 63.                                        | QT.HH.63  | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                              |

|     |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 64. | QT.HTC. 64                                                     | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 65. | QT.HTC. 65                                                     | Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|     | <b>BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b>                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 66. | QT.HTC. 66                                                     | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 67. | QT.HTC.67                                                      | Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     | <b>CHĂN NUÔI</b>                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 68. | QT.CN. 68                                                      | Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước |
| 69. | QT.CN. 69                                                      | Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)                                                                                     |
|     | <b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 70. | QT.ĐĐ. 70                                                      | Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận                                                                                                                                                                                                            |
| 71. | QT.ĐĐ.71                                                       | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài                                                                                                                                          |
| 72. | QT.ĐĐ.72                                                       | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 73. | QT.ĐĐ. 73                                                      | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|     |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 74  | QT.ĐĐ.74  | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở |
| 75. | QT.ĐĐ. 75 | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 76. | QT.ĐĐ.76  | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 77. | QT.ĐĐ.77  | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 78. | QT.ĐĐ.78  | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 79. | QT.ĐĐ.79  | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 80. | QT.ĐĐ.80  | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 81. | QT.ĐĐ. 81 | Hòa giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 82. | QT.ĐĐ. 82 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                           |          |                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 83.                                                       | QT.ĐĐ.83 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất                    |
| <b>LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO</b>                                |          |                                                                                                                                                                                     |
| 84.                                                       | QT.ĐĐ.84 | Công nhận người lao động có thu nhập thấp                                                                                                                                           |
| 85.                                                       | QT.ĐĐ.85 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình                                                                                          |
| 86.                                                       | QT.ĐĐ.86 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm                                                                                                                              |
| 87.                                                       | QT.ĐĐ.87 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm                                                                                                                  |
| 88.                                                       | QT.ĐĐ.88 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm                                                                                               |
| <b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>                                |          |                                                                                                                                                                                     |
| 89.                                                       | QT.MT.89 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)                                                                                                                                |
| <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>                               |          |                                                                                                                                                                                     |
| 90.                                                       | QT.MT.90 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)                                                                                                                                  |
| <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b> |          |                                                                                                                                                                                     |
| 91.                                                       | QT.ĐĐ.91 | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội                           |
| 92.                                                       | QT.ĐĐ.92 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội |
| 93.                                                       | QT.ĐĐ.93 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                         |
| 94.                                                       | QT.ĐĐ.94 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                            |
| <b>TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>                                    |          |                                                                                                                                                                                     |
| 95.                                                       | QT.N.95  | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất                                                                                                                                            |

|            |                   |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>XXX</b> | <b>THỦY LỢI</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 96.        | QT.TL.96          | Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp                                                                                                                                                     |
| 97.        | QT.TL.97          | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.                                                                                                              |
| 98.        | QT.TL.98          | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) |
| 99.        | QT.TL.99          | Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã                                                                                                                                      |
| 100.       | QT.TL.100         | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                          |
| 101.       | QT.TL.101         | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                                    |
| 102.       | QT.TL.102         | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.                                                                                                                                        |
|            | <b>THỦY SẢN</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 103.       | QT.TS.103         | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                                                                                                                                 |
| 104.       | QT.TS.104         | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                                                                                                                                                                      |
|            | <b>TRỒNG TRỌT</b> |                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 105.       | QT.TT.105         | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa                                                                                                                                                                                           |

## LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

|      | <b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b> |                                                                                                                                                                                                                                  |
|------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 106. | QT.BT.106                      | Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn                                                                        |
| 107  | QT.BT.107                      | Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn                                                                                                                         |
| 108  | QT.BT.108                      | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng                                                                                                                     |
| 109  | QT.BT.109                      | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                |
| 110  | QT.BT.110                      | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 111. | QT.BT.111                      | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                                          |
| 112. | QT.BT.112                      | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                                                                                                                                             |
| 113. | QT.BT.113                      | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                         |
| 114. | QT.BT.114                      | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                                                            |
| 115. | QT.BT.115                      | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                                                                                                     |
| 116. | QT.BT.116                      | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                                                                                                              |
| 117  | QT.BT.117                      | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội                                                                                                                                                                                   |

|                                                     |             |                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 118.                                                | QT.BT.118   | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                             |
| 119.                                                | QT.BT.119   | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội                                                         |
| 120.                                                | QT.BT.120   | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội                                                                                   |
| <b>LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM</b>              |             |                                                                                                                                                     |
| 121.                                                | QT.DS.121   | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.                                                                          |
| <b>PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI</b>                   |             |                                                                                                                                                     |
| 122.                                                | QT.TNXH.122 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                                                                 |
| 123.                                                | QT.TNXH.123 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                                                                                 |
| <b>LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG</b>                |             |                                                                                                                                                     |
| 124.                                                | QT.ĐKT.124  | Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”                                                                                |
| <b>LĨNH VỰC TRẺ EM</b>                              |             |                                                                                                                                                     |
| 125.                                                | QT.TE.125   | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                             |
| 126.                                                | QT.TE.126   | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                          |
| 127.                                                | QT.TE.127   | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt          |
| 128.                                                | QT.TE.128   | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em |
| 129                                                 | QT.TE.129   | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em          |
| 130.                                                | QT.TE.130   | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                    |
| <b>PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ</b> |             |                                                                                                                                                     |

|                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 131.                             | QT.ĐKT.131  | Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                                                                       |
| 132.                             | QT.ĐKT.132  | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                                                              |
| 133.                             | QT.ĐKT.133  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                                                                           |
| 134.                             | QT.ĐKT.134  | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                                                                       |
| <b>LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO</b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 135.                             | QT.TDĐT.135 | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 136.                             | QT.LH.136   | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 137.                             | QT.LH.137   | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 138                              | QT.NCC.138  | Thăm viếng mộ liệt sĩ.                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 139.                             | QT.NCC.139  | Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội) |
| 140.                             | QT.NCC.140  | Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng                                      |
| 141.                             | QT.NCC.141  | Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân                                                                                                                                                                                                                                 |
| 142.                             | QT.NCC.142  | Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý        |
| 143.                             | QT.NCC.143  | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ                                                                                                                         |

|      |            |                                                                                                                                                                                                                                          |
|------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 144. | QT.NCC.144 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công                                                                                                                                                                                            |
| 145. | QT.NCC.145 | Thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                                                                                                                                                                    |
| 146. | QT.NCC.146 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ                                                                             |
| 147. | QT.NCC.147 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.                                                                                                                                                                                         |
| 148. | QT.NCC.148 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần                                                                                                                                                                        |
| 149. | QT.NCC.149 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân                                                                                                                        |
| 150. | QT.NCC.150 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học                                                                                                                                          |
| 151. | QT.NCC.151 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học                                                                                                                                              |
| 152. | QT.NCC.152 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.                                                                                                                                                                         |
| 153. | QT.NCC.153 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ                                                                                            |
| 154. | QT.NCC.154 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý                                                                                                                                                   |
| 155. | QT.NCC.155 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.                                                                                                                                                                                              |
| 156. | QT.NCC.156 | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ                                                                                                                                                                               |
| 157. | QT.NCC.157 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.                                                                                                                                                                                       |
| 158. | QT.NCC.158 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế                                                                                                                                 |
| 159. | QT.NCC.159 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày                                                                                                          |
| 160. | QT.NCC.160 | Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý |
| 161. | QT.NCC.161 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an                                                                                                                                                        |
| 162. | QT.NCC.162 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an                                                                           |

|      |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 163  | QT.NCC.163 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”                                                                                                                                                                                                                              |
| 164  | QT.NCC.164 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 165. | QT.NCC.165 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 166  | QT.NCC.166 | Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 167. | QT.NCC.167 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006                                                                                         |
| 168. | QT.NCC.168 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước                                                                                                                                                             |
| 169. | QT.NCC.169 | Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh                                                                                                                                                                           |
| 170. | QT.NCC.170 | Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 171. | QT.NCC.171 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 172. | QT.NCC.172 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 173. | QT.NCC.173 | Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 174. | QT.NCC.174 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 175. | QT.NCC.175 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 176. | QT.NCC.176 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a                                                                                                                                                                                                                                                |
| 177. | QT.NCC.177 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 178. | QT.NCC.178 | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 179. | QT.NCC.179 | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |

|      |                                      |                                                                                                                                                               |
|------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <b>QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC</b>   |                                                                                                                                                               |
| 180  | QT.LĐ.180                            | Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .                                                                                                                |
| 181  | QT.LĐ.181                            | Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động                                                                                              |
| 182  | QT.LĐ.182                            | Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                                                                                          |
| 183  | QT.LĐ.183                            | Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                                                                                              |
| 184  | QT.LĐ.184                            | Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giám sát cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |
| 185  | QT.LĐ.185                            | Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn                                                                                                |
| 186  | QT.LĐ.186                            | Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội                                                                                                                            |
| 187  | QT.LĐ.187                            | Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội                                                                               |
| 188  | QT.LĐ.188                            | Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ                |
| 189  | QT.LĐ.189                            | Thành lập hội                                                                                                                                                 |
| 190  | QT.LĐ.190                            | Quỹ tự giải thể                                                                                                                                               |
| 191  | QT.LĐ.191                            | Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ                                                                                                                            |
| 192. | QT.LĐ.192                            | Thông báo kết quả đại hội và phê duyệtđổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội                                                                                      |
| 193. | QT.LĐ.193                            | Công nhận ban vận động thành lập hội                                                                                                                          |
| 194. | QT.LĐ.194                            | Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ                                                                                                         |
| 195. | QT.LĐ.195                            | Hội tự giải thể                                                                                                                                               |
|      | <b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>             |                                                                                                                                                               |
| 196. | QT.VL.196                            | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.                                                  |
| 197. | QT.VL.197                            | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.                                      |
|      | <b>LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO</b> |                                                                                                                                                               |
| 198. | QT.TG.198                            | thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã                                                 |

|                                  |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 199                              | QT.TG.199 | thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã                                                                                                                                                                   |
| 200.                             | QT.TG.200 | thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã                                                                                                                          |
| 201.                             | QT.TG.201 | thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)                                                                                                                                                                                                                                            |
| 202.                             | QT.TG.202 | thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)                                                                                                                                                                                                                                            |
| 203.                             | QT.TG.203 | thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)                                                                                                                                                                                                           |
| 204.                             | QT.TG.204 | thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)                                                                                                                                                                                                     |
| 205                              | QT.TG.205 | thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)                                                                                                                                                                                                      |
| 206.                             | QT.TG.206 | thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 207                              | QT.DT.207 | Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                                                                                                                       |
| 208                              | QT.DT.208 | Công nhận người có uy tín                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC</b>   |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 209                              | QT.GD.209 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                                                                                                                                                                                              |
| 210                              | QT.GD.210 | Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập                                                                                                                                                                                                                                              |
| 211                              | QT.GD.211 | Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại                                                                                                                                                                                                                                        |
| 212                              | QT.GD.212 | Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập                                                                                                                                                                                                                                 |
| 213                              | QT.GD.213 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)                                                                                                                                                                                                     |
| 214                              | QT.GD.214 | Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở |
| <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 215                              | QT.GD.215 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                                             |           |                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 216                                                         | QT.GD.216 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                                                        |
| 217                                                         | QT.GD.217 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                                                                     |
| 218                                                         | QT.GD.218 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                      |
| 219                                                         | QT.GD.219 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                                                                              |
| <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>                        |           |                                                                                                                                                                                                   |
| 220                                                         | QT.GD.220 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã                               |
| 221                                                         | QT.GD.221 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài |
| <b>GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN</b>                                |           |                                                                                                                                                                                                   |
| 222                                                         | QT.GD.222 | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                                                                            |
| 223                                                         | QT.GD.223 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                                                     |
| 224                                                         | QT.GD.224 | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)                                                                                                      |
| 225                                                         | QT.GD.225 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                                                                  |
| 226                                                         | QT.GD.226 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học                                                                                                                                                 |
| <b>GIÁO DỤC TIỂU HỌC</b>                                    |           |                                                                                                                                                                                                   |
| 227                                                         | QT.GD.227 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                                                                                              |
| 228                                                         | QT.GD.228 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                                                                                       |
| 229                                                         | QT.GD.229 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                                               |
| 230                                                         | QT.GD.230 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)                                                                                                    |
| <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN</b> |           |                                                                                                                                                                                                   |
| 231                                                         | QT.GD.231 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                    |
| 232                                                         | QT.GD.232 | Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                     |
| 233                                                         | QT.GD.233 | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia                                                                                                                                                       |

|     |           |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 234 | QT.GD.234 | Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia                                                                                                                                                                                                      |
| 235 | QT.GD.235 | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)                                                                                                                                                                                               |
| 236 | QT.GD.236 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)                                                                                                                                                                                            |
| 237 | QT.GD.237 | Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo                                                                                                                                                                          |
| 238 | QT.GD.238 | Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo                                                                                                                                                                                      |
| 239 | QT.GD.239 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |

### **LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND- UBND**

|      |                                    |                                                                                                                                             |
|------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <b>PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b> |                                                                                                                                             |
| 240. | QT.GDPL.240                        | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                                                |
| 241. | QT.GDPL.241                        | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                               |
| 242. | QT.GDPL.242                        | Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật                                                                                            |
| 243. | QT.GDPL.243                        | Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)                                                                                                    |
| 244  | QT.GDPL.244                        | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)                                                                                            |
| 245. | QT.GDPL.245                        | Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)                                                                                                     |
| 246. | QT.GDPL.246                        | Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải |
|      | <b>BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>         |                                                                                                                                             |
| 247. | QT.BTNN.247                        | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)                                   |
|      | <b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>         |                                                                                                                                             |
| 248. | QT.CT.248                          | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                      |
| 249. | QT.CT.249                          | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                          |
| 250. | QT.CT.250                          | Thủ tục chứng thực di chúc                                                                                                                  |
| 251. | QT.CT.251                          | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                                              |
| 252. | QT.CT.252                          | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                                                 |

|                         |           |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 253.                    | QT.CT.253 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật                                                                                                                                                                                  |
| 254.                    | QT.CT.254 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                          |
| 255.                    | QT.CT.255 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                                                                                                                      |
| 256.                    | QT.CT.256 | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                                                                          |
| 257.                    | QT.CT.257 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                                                               |
| 258.                    | QT.CT.258 | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                                                                                                              |
| 259.                    | QT.CT.259 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)                                                                                          |
| 260.                    | QT.CT.260 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận |
| <b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b> |           |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 261.                    | QT.HT.261 | Đăng ký giám sát việc giám hộ                                                                                                                                                                                                                                              |
| 262.                    | QT.HT.262 | Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ                                                                                                                                                                                                                                     |
| 263.                    | QT.HT.263 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                                                                                                                                                                         |
| 264.                    | QT.HT.264 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                                                                                  |
| 265.                    | QT.HT.265 | Đăng ký lại khai tử                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 266.                    | QT.HT.266 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh                                                                                                                                                                                                                                              |
| 267.                    | QT.HT.267 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                                                                                                                                                                              |
| 268.                    | QT.HT.268 | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                                                               |
| 269.                    | QT.HT.269 | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ                                                                                                                                                                                                                                           |
| 270.                    | QT.HT.270 | Thủ tục đăng ký giám hộ                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 271.                    | QT.HT.271 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                                                                                                                                                                         |
| 272.                    | QT.HT.272 | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                                                                           |
| 273.                    | QT.HT.273 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn                                                                                                                                                                                                                                                |
| 274.                    | QT.HT.274 | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động                                                                                                                                                                                                                                         |

|      |           |                                                                                                                                                                                                                                         |
|------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 275  | QT.HT.275 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                                                                                                                    |
| 276. | QT.HT.276 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                                                                                                    |
| 277. | QT.HT.277 | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                            |
| 278. | QT.HT.278 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                            |
| 279. | QT.HT.279 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                  |
| 280. | QT.HT.280 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                        |
| 281. | QT.HT.281 | Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                            |
| 282. | QT.HT.282 | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                   |
| 283. | QT.HT.283 | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                       |
| 284. | QT.HT.284 | Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh                                                                                                                                                                                   |
| 285. | QT.HT.285 | Thủ tục đăng ký khai sinh                                                                                                                                                                                                               |
| 286. | QT.HT.286 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                              |
| 287. | QT.HT.287 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) |
| 288. | QT.HT.288 | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                          |
| 289. | QT.HT.289 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      |
| 290. | QT.HT.290 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        |
| 291. | QT.HT.291 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                                                                                                                                       |
| 292. | QT.HT.292 | Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        |
| 293. | QT.HT.293 | Thủ tục đăng ký kết hôn                                                                                                                                                                                                                 |
| 294. | QT.HT.294 | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                   |
| 295. | QT.HT.295 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                                                                                                             |
| 296. | QT.HT.296 | Thủ tục đăng ký khai tử                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                            |             |                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 297.                                                                       | QT.HT.297   | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động                                                                                                                        |
| 298.                                                                       | QT.HT.298   | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động                                                                                                                        |
| 299.                                                                       | QT.HT.299   | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                                                    |
| 300.                                                                       | QT.HT.300   | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                                                      |
| 300                                                                        | QT.HT.300   | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới                                                                            |
| <b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI</b>                                              |             |                                                                                                                                                         |
| 301.                                                                       | QT.CNC.301  | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                         |
| 302.                                                                       | QT.CNC.302  | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi |
| 303.                                                                       | QT.CNC.303  | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                   |
| 304                                                                        | QT.CNC.304  | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                               |
| 305                                                                        | QT.CNC.305  | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi                                           |
| <b>GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THU</b> |             |                                                                                                                                                         |
| 306                                                                        | QT.KNTC.306 | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã                                                                                                         |
| 307                                                                        | QT.KNTC.307 | Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã                                                                                                                    |
| 308                                                                        | QT.KNTC.308 | Thủ tục thực hiện việc giải trình                                                                                                                       |
| 309                                                                        | QT.KNTC.309 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình                                                                                                                    |
| 310                                                                        | QT.KNTC.310 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập                                                                                                                      |
| 311                                                                        | QT.KNTC.311 | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                                       |
| 312                                                                        | QT.KNTC.312 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã                                                                                                                        |
| 313                                                                        | QT.KNTC.313 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã                                                                                                                            |

